



**BAKER TILLY
A&C**

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.



BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013

**CÔNG TY CỔ PHẦN
VẬN TẢI BIỂN VIỆT NAM**

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 5
3. Báo cáo kiểm toán	6 - 7
4. Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2013	8 - 11
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp năm 2013	12
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp năm 2013	13 - 14
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2013	15 - 43

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VIỆT NAM

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được kiểm toán.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Vận tải biển Việt Nam, tiền thân là Công ty Vận tải biển Việt Nam, là Doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam được thành lập theo Quyết định số 29-TTg ngày 26 tháng 01 năm 1993 của Thủ tướng Chính phủ và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 105598 ngày 05 tháng 3 năm 1993 do Trung tâm Kinh tế cấp. Từ ngày 01 tháng 01 năm 2008, Công ty chuyển sang hoạt động dưới hình thức Công ty Cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0203003815 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp cùng ngày.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã 11 lần được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do bổ sung ngành nghề kinh doanh, trong đó lần thay đổi đăng ký kinh doanh lần 7 ngày 17 tháng 6 năm 2011 do được cấp lại mã số doanh nghiệp mới là 0200106490 và lần đăng ký thay đổi lần thứ 11 vào ngày 04 tháng 7 năm 2013.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:

Cổ đông	Vốn góp (VND)	Tỷ lệ (%)
Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam	840.000.000.000	60
Các cổ đông khác	560.000.000.000	40
Cộng	1.400.000.000.000	100

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ	: Số 215 phố Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng
Điện thoại	: (0313) 731 090
Fax	: (0313) 731 007
E-mail	: PID@vosco.vn
Mã số thuế	: 0200106490

Các đơn vị trực thuộc:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải biển Việt Nam - Trung tâm Truyền viên	215 Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải biển Việt Nam - Xí nghiệp Dịch vụ và Đại lý Sơn	15 Cù Chính Lan, phường Minh Khai, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải biển Việt Nam - Xí nghiệp Đại lý Đầu	15 Cù Chính Lan, phường Minh Khai, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải biển Việt Nam tại Hà Nội	22 Yết Kiêu, phường Cửa Nam, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải biển Việt Nam tại Quảng Ninh	53 Lê Thánh Tông, phường Hòn Gai, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải biển Việt Nam tại Đà Nẵng	255 Trần Phú, quận. Hải Châu, thành phố Đà Nẵng
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải biển Việt Nam tại Quy Nhơn	212 Đồng Đa, phường Thị Nại, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải biển Việt Nam tại Nha Trang	43A Bạch Đằng, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VIỆT NAM
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải biển Việt Nam tại Cần Thơ	62/13 Lê Hồng Phong, phường Bình Thủy, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải biển Việt Nam tại Thành phố Hồ Chí Minh	69 Hàm Nghi, phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải biển Việt Nam - Trung tâm Huấn luyện Thuyền viên	215 Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải biển Việt Nam tại Vũng Tàu	110 Hạ Long, phường 2, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Kinh doanh vận tải đường biển;
- Dịch vụ, đại lý và môi giới vận tải đường biển;
- Xuất nhập khẩu và đại lý vật tư thiết bị, phụ tùng, dầu mỡ, hóa chất, sơn các loại cho tàu biển;
- Dịch vụ vận tải đa phương tiện gồm: Đường sắt, sông, biển, bộ và hàng không;
- Xuất khẩu thuyền viên;
- Gia công cơ khí, phục hồi các chi tiết, các trang thiết bị lắp trên tàu, sửa chữa nhỏ tàu trong và ngoài Công ty;
- Đại lý dịch vụ sửa chữa, vật tư, phụ tùng thiết bị an toàn và phao bè;
- Dịch vụ cung ứng tàu biển;
- Dịch vụ sân chơi thể thao và nhà hàng ăn uống;
- Vận tải dầu thô, dầu sản phẩm và khí ga;
- Kinh doanh dịch vụ kho bãi, xếp dỡ, sửa chữa Container;
- Đào tạo và huấn luyện thuyền viên./.

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm báo cáo này (từ trang 08 đến trang 43).

Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2013 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính tổng hợp.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Vũ Hữu Chinh	Chủ tịch	Ngày 24 tháng 4 năm 2013
Ông Cao Minh Tuấn	Üy viên	Ngày 24 tháng 4 năm 2013
Ông Lê Việt Tiên	Üy viên	Ngày 24 tháng 4 năm 2013
Ông Nguyễn Hoàng Dũng	Üy viên	Ngày 24 tháng 4 năm 2013
Ông Lâm Phúc Tú	Üy viên	Ngày 24 tháng 4 năm 2013
Ông Nguyễn Quang Minh	Üy viên	Ngày 24 tháng 4 năm 2013
Ông Trương Ngọc Lan	Üy viên	Ngày 24 tháng 4 năm 2013

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI BIỂN VIỆT NAM
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Nguyễn Trung Kiên	Trưởng ban	Ngày 24 tháng 4 năm 2013
Ông Đặng Hồng Trường	Üy viên	Ngày 24 tháng 4 năm 2013
Ông Hoàng Việt	Üy viên	Ngày 24 tháng 4 năm 2013

Ban điều hành, quản lý

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Vũ Hữu Chinh	Tổng Giám đốc		14 tháng 6 năm 2013
Ông Cao Minh Tuấn	Tổng Giám đốc	14 tháng 6 năm 2013	
Ông Lê Việt Tiến	Phó Tổng Giám đốc		
Ông Lâm Phúc Tú	Phó Tổng Giám đốc		
Ông Nguyễn Quang Minh	Phó Tổng Giám đốc		
Ông Nguyễn Hoàng Dũng	Phó Tổng Giám đốc		
Ông Nguyễn Bá Trường	Kế toán trưởng	20 tháng 8 năm 2013	

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C) đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013, A&C bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

Xác nhận của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp; các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính tổng hợp được lập tuân thủ các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm. Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Vận tải Biển Việt Nam tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VIỆT NAM
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



Cao Minh Tuấn

Ngày 12 tháng 3 năm 2014



Số: 110/2014/BCTC-KTTV-KT3

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP NĂM 2013 CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VIỆT NAM

Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VIỆT NAM

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2013 của Công ty Cổ phần Vận tải Biển Việt Nam, được lập ngày 12 tháng 3 năm 2014, từ trang 08 đến trang 43 bao gồm: Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính tổng hợp đề cập đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Vận tải Biển Việt Nam tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Không phủ nhận ý kiến nêu trên, chúng tôi chỉ muốn lưu ý người đọc Báo cáo tài chính đến thuyết minh VIII.7 về khả năng hoạt động liên tục của Công ty được trình bày trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp.



Nguyễn Hoàng Đức

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0368-2013-008-1

Hà Nội, ngày 12 tháng 3 năm 2014

Kiểm toán viên

Lê Văn Khoa

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 1794-2013-008-1

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 215 phố Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BẢNG CÂN ĐỐI KÉ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		599.603.936.711	341.535.161.870
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	70.185.125.181	10.754.765.021
1. Tiền	111		70.185.125.181	10.754.765.021
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		359.269.680.702	129.500.682.553
1. Phải thu khách hàng	131	V.2	63.010.335.986	80.425.395.493
2. Trả trước cho người bán	132	V.3	280.156.292.804	38.032.273.875
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.4	17.418.522.152	12.574.932.648
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.5	(1.315.470.240)	(1.531.919.463)
IV. Hàng tồn kho	140		167.662.388.176	170.319.503.430
1. Hàng tồn kho	141	V.6	167.662.388.176	170.319.503.430
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.486.742.652	30.960.210.866
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7	1.768.498.392	2.020.530.449
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		22.587.187	26.391.170.007
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.8	417.935.183	1.895.301.508
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.9	277.721.890	653.208.902

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 215 phố Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		4.671.072.323.671	4.684.269.216.871
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		4.423.549.976.174	4.369.996.960.139
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	4.413.413.487.172	4.039.289.153.106
<i>Nguyên giá</i>	222		7.000.348.550.593	6.663.791.521.953
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(2.586.935.063.421)	(2.624.502.368.847)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	10.025.433.002	9.933.779.701
<i>Nguyên giá</i>	228		10.393.368.680	10.149.068.680
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(367.935.678)	(215.288.979)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.12	111.056.000	320.774.027.332
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		102.475.964.879	104.908.548.796
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.13	23.568.172.910	23.453.172.910
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.14	82.183.397.343	82.183.397.343
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	V.15	(3.275.605.374)	(728.021.457)
V. Tài sản dài hạn khác	260		145.046.382.618	209.363.707.936
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.16	129.163.718.339	193.480.354.557
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	V.17	14.881.630.879	14.881.630.879
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.18	1.001.033.400	1.001.722.500
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		5.270.676.260.382	5.025.804.378.741

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 215 phố Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		4.058.863.982.657	3.624.905.890.798
I. Nợ ngắn hạn	310		699.982.054.407	602.861.954.779
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.19	154.771.240.000	141.118.920.000
2. Phải trả người bán	312	V.20	438.814.990.483	370.340.503.173
3. Người mua trả tiền trước	313	V.21	55.560.312.721	38.760.961.972
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.22	2.200.675.944	90.131.469
5. Phải trả người lao động	315		13.599.715.266	13.215.944.601
6. Chi phí phải trả	316		-	-
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.23	33.043.416.556	33.964.849.494
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.24	1.991.703.437	5.370.644.070
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		3.358.881.928.250	3.022.043.936.019
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	14.302.974.310
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333	V.25	517.672.267.804	100.022.353.450
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.26	2.841.113.437.898	2.907.717.577.280
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	V.27	59.858.911	1.030.979
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		36.363.637	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.211.812.277.725	1.400.898.487.943
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.28	1.211.812.277.725	1.400.898.487.943
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		1.400.000.000.000	1.400.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.777.018.739	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	(7.320.384.546)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		11.948.107.068	11.948.107.068
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		15.968.205.262	15.968.205.262
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(217.881.053.344)	(19.697.439.841)
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		5.270.676.260.382	5.025.804.378.741

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 215 phố Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài	-	-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công	-	-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược	-	-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý	-	-	-
5. Ngoại tệ các loại:			
Dollar Mỹ (USD)		2.859.879,65	399.586,94
Euro (EUR)		-	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án	-	-	-

Người lập biểu

Đỗ Thanh Thủy

Kế toán trưởng

Nguyễn Bá Trường



Lập, ngày 12 tháng 3 năm 2014

Tổng Giám đốc

Cao Minh Tuấn

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 215 phố Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

Năm 2013

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	2.065.921.170.211	2.300.392.068.146
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	6.407.033.291	8.621.124.022
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	2.059.514.136.920	2.291.770.944.124
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	2.130.773.124.611	2.034.341.042.539
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		(71.258.987.691)	257.429.901.585
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	4.058.353.843	13.405.652.803
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	235.870.268.474	195.176.126.005
Trong đó: chi phí lãi vay	23		163.624.563.205	152.388.487.769
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	56.346.093.799	64.418.708.416
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	51.987.628.319	52.552.612.819
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(411.404.624.440)	(41.311.892.852)
11. Thu nhập khác	31	VI.7	222.397.380.975	5.284.467.299
12. Chi phí khác	32	VI.8	9.117.542.106	42.896.353
13. Lợi nhuận khác	40		213.279.838.869	5.241.570.946
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(198.124.785.571)	(36.070.321.906)
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		-	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.9	58.827.932	1.030.979
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>(198.183.613.503)</u>	<u>(36.071.352.885)</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.11	-	-

Người lập biểu

Đỗ Thanh Thủy

Kế toán trưởng

Nguyễn Bá Trường



Lập, ngày 12 tháng 3 năm 2014

Tổng Giám đốc

Cao Minh Tuấn

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 215 phố Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2013

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	2.187.199.004.995	2.400.421.020.252	
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(1.696.845.548.784)	(1.905.944.537.670)	
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(166.673.381.579)	(171.781.310.639)	
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(122.398.616.686)	(153.057.875.769)	
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	-	(50.000.000)	
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	84.653.413.865	68.595.115.030	
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(113.327.036.246)	(95.800.838.271)	
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	<i>20</i>	<i>172.607.835.565</i>	<i>142.381.572.933</i>	
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(283.813.270.445)	(43.087.254.860)	
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	211.323.534.267	19.557.474.182	
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-	
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-	
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(2.465.767.000)	
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-	
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	3.161.924.448	9.138.503.148	
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	<i>30</i>	<i>(69.327.811.730)</i>	<i>(16.857.044.530)</i>	

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 215 phố Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngũ Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm nay
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		9.097.403.285	
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		932.925.694.096	371.079.840.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(985.877.513.478)	(540.004.919.790)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(138.352.720)	(406.724.300)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<i>(43.992.768.817)</i>	<i>(169.331.804.090)</i>
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</i>	<i>50</i>		<i>59.287.255.018</i>	<i>(43.807.275.687)</i>
<i>Tiền và tương đương tiền đầu năm</i>	<i>60</i>	V.1	<i>10.754.765.021</i>	<i>54.567.598.525</i>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		143.105.142	(5.557.817)
<i>Tiền và tương đương tiền cuối năm</i>	<i>70</i>	V.1	<i>70.185.125.181</i>	<i>10.754.765.021</i>

Lập, ngày 12 tháng 3 năm 2014

Người lập biểu

Đỗ Thanh Thủy

Kế toán trưởng

Nguyễn Bá Trường



Cao Minh Tuấn

Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 215 phố Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm 2013

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn : Công ty Cổ phần
2. Lĩnh vực kinh doanh : Vận tải, dịch vụ
3. Ngành nghề kinh doanh : Kinh doanh vận tải đường biển; Dịch vụ, đại lý và môi giới vận tải đường biển; Xuất nhập khẩu và đại lý vật tư thiết bị, phụ tùng, dầu mỡ, hóa chất, sơn các loại cho tàu biển; Dịch vụ vận tải đa phương tiện gồm: Đường sắt, sông, biển, bộ và hàng không; Xuất khẩu thuyền viên; Gia công cơ khí, phục hồi các chi tiết, các trang thiết bị lắp trên tàu, sửa chữa nhỏ tàu trong và ngoài Công ty; Đại lý dịch vụ sửa chữa, vật tư, phụ tùng thiết bị an toàn và phao bè; Dịch vụ cung ứng tàu biển; Dịch vụ sân chơi thể thao và nhà hàng ăn uống; Vận tải dầu thô, dầu sản phẩm và khí ga; Kinh doanh dịch vụ kho bãi, xếp dỡ, sửa chữa Container; Đào tạo và huấn luyện thuyền viên./.
4. Nhân viên
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 Công ty có 1.236 nhân viên đang làm việc (cuối năm trước là 1.317 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 215 phố Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngũ Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính tổng hợp của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Hàng tồn kho là công cụ dụng cụ được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên, trị giá công cụ dụng cụ tồn kho cuối kỳ được tính theo phương pháp hệ số giá.

Hàng tồn kho là nhiên liệu được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên, trị giá nhiên liệu tồn cuối kỳ ở các tàu được tính theo phương pháp nhập trước, xuất trước.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 215 phố Lạch Tray, phường Đặng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính và Công văn số 7136/TC-TCDN ngày 28 tháng 6 năm 2004 của Bộ Tài chính cho phép khung khấu hao cho tàu biển đóng mới tối đa là 20 năm. Riêng tài sản cố định nhận bàn giao từ Doanh nghiệp Nhà nước được khấu hao theo thời gian sử dụng còn lại.

Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định mua mới như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	25
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 20
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08

Số năm khấu hao của tài sản cố định nhận bàn giao từ Doanh nghiệp Nhà nước như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50
Máy móc và thiết bị	03 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 20
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08
Tài sản cố định khác	06

6. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đèn bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo thời gian giao đất. Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy vi tính được khấu hao trong 4 năm.

7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư tài sản cố định, xây dựng nhà xưởng, lắp đặt máy móc, thiết bị chưa hoàn thành và chưa lắp đặt xong. Các tài sản đang trong quá trình xây dựng cơ bản dở dang và lắp đặt không được tính khấu hao.

8. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong năm. Riêng chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư đóng mới tàu cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng được vốn hóa vào giá trị của tàu.

9. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con và đầu tư vào các tổ chức kinh tế được ghi nhận theo giá gốc. Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 215 phố Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá trị đang hạch toán trên sổ sách. Giá thị trường làm căn cứ xem xét trích lập dự phòng được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do tối thiểu của 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi là giá trị sổ sách tại ngày lập Bảng cân đối kế toán gần nhất.

Dự phòng cho các khoản đầu tư vào Công ty con và tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế tại thời điểm trích lập dự phòng.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

10. Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí sửa chữa các tàu lén đà

Chi phí sửa chữa các tàu lén đà được phân bổ vào chi phí trong năm theo phương pháp đường thẳng theo thời hạn cho phép của đăng kiểm là 30 tháng.

Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện

Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư các khoản mục có gốc ngoại tệ của những năm trước được thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư 201/2009/TT-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thời gian phân bổ cho các khoản lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư của các khoản nợ phải trả dài hạn có gốc ngoại tệ của những năm trước được ghi nhận vào chi phí với thời gian tối đa không quá 5 năm.

11. Nguồn vốn kinh doanh

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 215 phố Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngũ Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào chi tiêu Thặng dư vốn cổ phần.

12. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

13. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

14. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm là tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại hoặc tỷ giá mua vào bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2012: 20.814 VND/USD

31/12/2013: 21.086 VND/USD.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 215 phố Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

15. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cỗ tức và lợi nhuận được chia

Cỗ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cỗ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cỗ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

16. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm các nhóm: các khoản cho phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán.

Các khoản phải thu

Các khoản phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

17. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 215 phố Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

18. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

19. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

20. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VIII.2.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 215 phố Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	408.522.144	489.708.103
Tiền gửi ngân hàng	69.776.603.037	10.265.056.918
Cộng	70.185.125.181	10.754.765.021

2. Phải thu khách hàng

Trình bày theo đơn vị như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Văn phòng Công ty	47.872.710.209	65.488.609.185
Xí nghiệp Dịch vụ và Đại lý Sơn	454.796.359	994.829.673
Trung tâm Thuyền viên	11.925.699.736	10.051.067.530
Chi nhánh Quy Nhơn	421.058.182	262.813.816
Chi nhánh Quảng Ninh	235.861.797	434.847.753
Chi nhánh Nha Trang	17.589.098	28.329.106
Chi nhánh Hà Nội	1.715.422.752	2.998.002.147
Chi nhánh Đà Nẵng	169.077.304	166.896.283
Chi nhánh Cần Thơ	198.120.549	
Cộng	63.010.335.986	80.425.395.493

3. Trả trước cho người bán

Trình bày theo đơn vị như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Văn phòng Công ty	279.771.580.920	37.777.538.744
Chi nhánh Quy Nhơn	313.351.060	93.424.619
Chi nhánh Nha Trang	42.025.857	63.263.477
Chi nhánh Hà Nội	29.334.967	98.047.035
Cộng	280.156.292.804	38.032.273.875

4. Các khoản phải thu khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền ăn các tàu vay	5.372.444.920	4.338.816.109
Các tàu vay tiền đi công tác nước ngoài	315.446.560	159.246.041
Tiền bồi thường bảo hiểm	4.258.158.357	4.333.846.898
Quỹ ốm đau thai sản	46.078.900	70.626.700
Cố tức, lợi nhuận được chia		236.600.000
Bảo hành tàu Vosco Sunrise	3.338.094.929	
Thuế thu nhập cá nhân phải thu cán bộ, nhân viên trong Công ty	335.374.250	169.361.150
Thù lao Hội đồng quản trị	340.962.035	228.658.035
Tài khoản lưu ký chứng khoán	1.822.086	29.350.068
Công ty TNHH Thương mại Vận tải Hải Phòng	49.200.000	

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 215 phố Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu Công ty TNHH Một thành viên Vận tải Viễn Dương Vinashine	2.576.373.991	2.576.373.991
Các khoản phải thu khác	784.566.124	432.053.656
Cộng	17.418.522.152	12.574.932.648

5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Tình hình biến động dự phòng phải thu khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	1.531.919.463	1.344.572.346
Trích lập dự phòng bổ sung	2.393.363	187.347.117
Hoàn nhập dự phòng	(218.842.586)	
Số cuối năm	1.315.470.240	1.531.919.463

6. Hàng tồn kho

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	167.384.800.686	169.963.536.503
Công cụ, dụng cụ	277.587.490	355.966.927
Cộng	167.662.388.176	170.319.503.430

7. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí bảo hiểm P&I	1.351.733.229	1.575.677.449
Chi phí bảo hiểm thân tàu	31.770.163	
Chi phí bảo hiểm thuyền viên	16.838.000	16.800.000
Chi phí bảo hiểm vỏ container	320.639.000	379.885.000
Chi phí bảo hiểm FD&D	45.118.000	47.268.000
Trả trước phí Internet	2.400.000	900.000
Cộng	1.768.498.392	2.020.530.449

8. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

Là khoản thuế thu nhập cá nhân nộp thừa.

9. Tài sản ngắn hạn khác

Là khoản tạm ứng của cán bộ nhân viên.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÁI BIỂN VIỆT NAM

Dịa chỉ: Số 215 phố Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

10. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	28.150.987.263	92.280.203.602	6.533.345.974.792	9.952.515.741	61.840.555	6.663.791.521.953
Mua sắm mới	303.428.655		766.161.461.991 (425.883.601.182)	168.082.728 (887.789.455)		766.632.973.374 (425.883.601.182)
Thanh lý, nhượng bán						(887.789.455)
Giảm khác						(3.304.554.097)
Phân loại lại tài sản theo TT45		(66.571.225)	(103.496.640)	(3.134.486.232)		
Số cuối năm	28.454.415.918	92.213.632.377	6.872.632.549.506	6.986.112.237	61.840.555	7.000.348.550.593

Trong đó:

Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	269.946.954	851.887.033.810	1.356.840.478	61.840.555	853.575.661.797
--	-------------	-----------------	---------------	------------	-----------------

Giá trị hao mòn

Số đầu năm	10.660.119.238	33.916.933.520	2.571.067.762.693	8.806.019.576	51.533.820	2.624.502.368.847
Khấu hao trong năm	925.188.210	9.229.320.757	381.356.554.846 (425.883.601.182)	753.360.309 (887.789.455)	10.306.735 (425.883.601.182)	392.274.730.857 (887.789.455)
Thanh lý, nhượng bán						
Giảm khác						
Phân loại lại tài sản theo TT45		(62.719.725)	(102.522.086)	(2.905.403.835)		(3.070.645.646)
Số cuối năm	11.585.307.448	43.083.534.552	2.525.550.404.816	6.653.976.050	61.840.555	2.586.935.063.421

Giá trị còn lại

Số đầu năm	17.490.868.025	58.363.270.082	3.962.278.212.099	1.146.496.165	10.306.735	4.039.289.153.106
Số cuối năm	16.869.108.470	49.130.097.825	4.347.082.144.690	332.136.187		4.413.413.487.172

- Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 6.554.498.223.345 VND và 4.173.207.187.568 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay tại các Ngân hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 215 phố Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

11. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	10.041.668.680	107.400.000	10.149.068.680
Mua trong năm		259.300.000	259.300.000
Phân loại lại tài sản		(15.000.000)	(15.000.000)
Số cuối năm	10.041.668.680	351.700.000	10.393.368.680
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng		92.400.000	92.400.000
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	108.201.479	107.087.500	215.288.979
Khấu hao trong năm	161.932.116	5.714.583	167.646.699
Phân loại lại giá trị hao mòn		(15.000.000)	(15.000.000)
Số cuối năm	270.133.595	97.802.083	367.935.678
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	9.933.467.201	312.500	9.933.779.701
Số cuối năm	9.771.535.085	253.897.917	10.025.433.002

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào	Số cuối năm
			TSCĐ trong năm	
Mua và đóng tàu Sunrise	320.662.971.332	25.636.316.959	346.299.288.291	
XDCB dở dang (Nhà làm việc Vosco Nha Trang)	111.056.000			111.056.000
Cộng	320.774.027.332	25.636.316.959	346.299.288.291	111.056.000

13. Đầu tư vào công ty con

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty TNHH Một thành viên Sửa chữa và Dịch vụ Tàu biển Vosco ⁽ⁱ⁾		4.585.082.000		4.470.082.000
Công ty TNHH Một thành viên Đại lý Tàu biển và Logistics Vosco ⁽ⁱⁱ⁾		3.633.090.910		3.633.090.910
Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Hàng Hải Vosco ⁽ⁱⁱⁱ⁾		7.700.000.000		7.700.000.000
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Vosco ^(iv)	1.009.800	7.650.000.000	918.000	7.650.000.000
Cộng		23.568.172.910		23.453.172.910

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 215 phố Lạch Tray, phường Dàng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

- (i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0201130591 ngày 15 tháng 11 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Một thành viên Sửa chữa và Dịch vụ Tàu biển Vosco 17.000.000.000 VND, tương đương 100% vốn điều lệ. Trong năm Công ty đã góp vốn vào Công ty TNHH Một thành viên Sửa chữa và Dịch vụ Tàu biển Vosco 115.000.000 VND. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã đầu tư 4.585.082.000 VND, tương đương 26,97% vốn điều lệ. Vốn điều lệ còn phải đầu tư vào Công ty TNHH MTV Sửa chữa và Dịch vụ Tàu biển Vosco là 12.414.918.000 VND.
- (ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0201130601 ngày 15 tháng 11 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Một thành viên Đại lý Tàu biển và Logistics Vosco 15.000.000.000 VND, tương đương 100% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã đầu tư 3.633.090.910 VND, tương đương 24,22% vốn điều lệ. Vốn điều lệ còn phải đầu tư vào Công ty TNHH MTV Đại lý Tàu biển và Logistics Vosco là 11.366.909.090 VND.
- (iii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0311081202 ngày 19 tháng 08 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Hàng hải Vosco 15.000.000.000 VND, tương đương 100% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã đầu tư 7.700.000.000 VND, tương đương 51,33% vốn điều lệ. Vốn điều lệ còn phải đầu tư vào Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Hàng hải Vosco là 7.300.000.000 VND.
- (iv) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0201137068 ngày 22 tháng 12 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp, Công ty đầu tư vào Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Vosco 7.650.000.000 VND, tương đương 51% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã góp đủ vốn vào Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Vosco.

14. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Đầu tư cổ phiếu		77.048.397.343		77.048.397.343
Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam	8.752.251	73.648.455.343	8.752.251	73.648.455.343
Công ty Cổ phần Hàng hải SSV	67.600	3.399.942.000	67.600	3.399.942.000
Đầu tư vào đơn vị khác		5.135.000.000		5.135.000.000
Trường Cao ĐẲng nghề Hàng Hải Vinalines		5.000.000.000		5.000.000.000
Quỹ hỗ trợ phát triển		135.000.000		135.000.000
Cộng		82.183.397.343		82.183.397.343

15. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

Là khoản dự phòng giảm giá đầu tư vào Công ty con. Tình hình biến động như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	728.021.457	
Trích lập dự phòng bổ sung	2.838.477.955	728.021.457
Hoàn nhập dự phòng	290.894.038	
Số cuối năm	3.275.605.374	728.021.457

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 215 phố Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

16. Chi phí trả trước dài hạn

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Phân bổ vào chi phí trong năm	Số cuối năm
Chi phí sửa chữa các tàu lên đà	86.484.327.881	53.755.728.682	78.337.121.431	61.902.935.132
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	106.996.026.676		39.735.243.469	67.260.783.207
Cộng	193.480.354.557	53.755.728.682	118.072.364.900	129.163.718.339

17. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Là tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ (lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái).

18. Tài sản dài hạn khác

Là khoản ký quỹ xuất khẩu thuyền viên.

19. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng		35.383.800.000
Ngân hàng TMCP Đại Dương - Chi nhánh Hải Phòng	154.771.240.000	105.735.120.000
Cộng	154.771.240.000	141.118.920.000
Trong đó: Gốc vay bằng USD	7.340.000,00	6.780.000,00

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	141.118.920.000	41.656.000.000
Số tiền vay phát sinh trong năm	652.194.100.000	339.079.840.000
Chênh lệch do đánh giá chênh lệch tỷ giá số dư có gốc ngoại tệ cuối năm	367.000.000	(94.920.000)
Số tiền vay đã trả trong năm	(638.908.780.000)	(239.522.000.000)
Số cuối năm	154.771.240.000	141.118.920.000

20. Phải trả người bán

Trình bày theo đơn vị như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Văn phòng Công ty	434.170.074.250	366.757.749.436
Chi nhánh Quy Nhơn	504.345.465	223.675.827
Chi nhánh Quảng Ninh	2.618.748.851	1.155.784.597
Chi nhánh Nha Trang	60.000	60.000
Chi nhánh Hà Nội	946.853.047	2.015.066.246
Chi nhánh Cần Thơ	574.908.870	188.167.067
Cộng	438.814.990.483	370.340.503.173

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 215 phố Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

21. Người mua trả tiền trước

<i>Trình bày theo đơn vị như sau:</i>	Số cuối năm	Số đầu năm
Văn phòng Công ty	53.960.398.893	37.997.390.700
Trung tâm thuyền viên	220.000.000	
Chi nhánh Quy Nhơn	985.604.406	448.493.723
Chi nhánh Quảng Ninh	66.358.592	5.580.197
Chi nhánh Nha Trang	288.418.949	269.965.470
Chi nhánh Cần Thơ	39.531.881	39.531.882
Cộng	55.560.312.721	38.760.961.972

22. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	38.368.080	3.651.600.903	1.899.638.355	1.790.330.628
Thuế GTGT hàng nhập khẩu		470.372.092	470.372.092	
Thuế xuất, nhập khẩu		140.505.763	140.505.763	
Thuế thu nhập doanh nghiệp				
Thuế thu nhập cá nhân	(1.867.266.002)	9.666.403.028	7.961.011.810	(161.874.784)
Thuế nhà đất, tiền thuê đất		3.094.396.510	3.094.396.510	
Các loại thuế khác		15.000.000	15.000.000	
Các khoản phí, lệ phí	23.727.883	418.326.089	287.769.055	154.284.917
Cộng	(1.805.170.039)	17.456.604.385	13.868.693.585	1.782.740.761

Trong đó:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Thuế và các khoản phải thu nhà nước (*)	(417.935.183)	(1.895.301.508)
Thuế thu nhập cá nhân	(417.935.183)	(1.895.301.508)
Thuế và các khoản phải trả nhà nước	2.200.675.944	90.131.469
Thuế GTGT hàng bán nội địa	1.790.330.628	38.368.080
Thuế thu nhập cá nhân	256.060.399	28.035.506
Các khoản phí, lệ phí khác	154.284.917	23.727.883
Cộng	1.782.740.761	(1.805.170.039)

(*) Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước (xem thuyết minh số V.8).

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

Hàng hóa, dịch vụ cung cấp trong nước	10%
Cung cấp nước sinh hoạt	5%
Hàng hóa dịch vụ cung cấp nước ngoài	0%

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 215 phố Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 01 năm và giảm 50% số thuế phải nộp cho 04 năm tiếp theo đối với dự án đầu tư tàu biển^(*) theo điểm b, khoản 2, mục IV, phần E, Thông tư số 134/2007/TT-BTC ngày 23 tháng 11 năm 2007 hướng dẫn thi hành Nghị định số 24/2007/NĐ-CP ngày 14 tháng 2 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp.

(*) Thuộc Danh mục lĩnh vực ưu đãi đầu tư quy định tại điểm 42 Mục VIII, Phần B, Phụ lục A ban hành kèm theo Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(198.124.785.571)	(36.070.321.906)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Điều chỉnh tăng thù lao Hội đồng quản trị	229.000.000	
- Điều chỉnh giảm cổ tức, lợi nhuận được chia	(2.769.442.566)	(8.882.244.650)
- Điều chỉnh giảm lãi Chênh lệch tỷ giá của tiền và các khoản phải thu	(239.435.644)	(4.123.916)
Thu nhập tính thuế	(200.904.663.781)	(44.952.566.556)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	_____	_____

Tiền thuê đất

Công ty phải nộp tiền thuê đất theo quy định tại hợp đồng thuê đất và tờ khai tiền thuê đất hàng năm của Công ty.

Thuế nhà đất

Tiền thuê đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

23. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn	1.951.000.000	2.210.000.000
Bảo hiểm xã hội	4.278.778.856	*
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	4.876.404.515	5.014.757.235
Vật tư tạm nhập	3.874.323.189	*
Thuế thu nhập cá nhân của người lao động chưa quyết toán	8.743.122.122	7.550.700.297
Chi phí sửa chữa chưa quyết toán	993.720.000	*
Doanh thu vận tải tính cho năm sau	4.367.471.697	16.131.238.074
Phải trả, phải nộp khác	3.958.596.177	3.058.153.888
Cộng	33.043.416.556	33.964.849.494

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 215 phố Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

24. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	5.370.644.070	17.327.226.855
Tăng do trích lập từ lợi nhuận		
Chi quỹ	(3.378.940.633)	(11.956.582.785)
Số cuối năm	1.991.703.437	5.370.644.070

25. Phải trả dài hạn khác

	Năm nay	Năm trước
Tạm tăng nguyên giá tàu (Lucky Star, Blue Star, Sunrise)	516.672.201.784	99.022.287.430
Nhiên liệu bẩn giao tàu (Lucky Star, Blue Star)	1.000.066.020	1.000.066.020
Số cuối năm	517.672.267.804	100.022.353.450

26. Vay và nợ dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng ⁽ⁱ⁾	855.842.000.000	607.019.223.490
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng ⁽ⁱⁱ⁾	1.517.159.524.010	1.708.829.400.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng ⁽ⁱⁱⁱ⁾		65.127.006.000
Ngân hàng TMCP Bảo Việt ^(iv)	174.000.000.000	191.845.000.000
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam ^(v)	294.111.913.888	334.896.947.790
Cộng	2.841.113.437.898	2.907.717.577.280
Trong đó:		
Gốc vay bằng VND	1.029.842.000.000	798.864.223.490
Gốc vay bằng USD	85.899.243.00	101.318.985,00

⁽ⁱ⁾ Khoản vay bằng VND Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng để đóng tàu từ năm 2000, 2001, 2002, 2006 và Hợp đồng vay số 02/2011/HĐĐTĐĐT - NHPT ngày 30 tháng 01 năm 2011 để thanh toán cho giá trị khói lượng đã thực hiện và các chi phí bổ sung để hoàn thiện tàu chở hàng rời 56.200 DWT ký hiệu F56-NT03, tổng số tiền vay 555 tỷ, thời hạn vay tối đa là 180 tháng, lãi suất nợ trong hạn là 9,6%/năm, lãi suất quá hạn (tính trên nợ gốc và lãi chậm trả) là 14,4 %/năm, thời hạn trả nợ là 156 tháng, được bảo đảm bằng tài sản hình thành bằng vốn vay trong tương lai.

⁽ⁱⁱ⁾ Khoản vay bằng USD gồm 4 hợp đồng tín dụng:

- Số 0020/07/HP ngày 12/02/2007, số tiền vay 41 triệu USD để mua tàu chở dầu, thời hạn vay 10 năm, lãi suất Sibor 6 tháng cộng 2%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay.
- Số 0097/07/HP ngày 26/09/2007, số tiền vay 52,74 triệu USD để mua tàu chở dầu, thời hạn vay 10 năm, lãi suất Sibor 6 tháng cộng 1,8%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp bằng tài sản hình thành từ vốn vay và tàu Fortune Freighter.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 215 phố Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngũ Quyền, thành phố Hải Phòng
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

- Số 0098/07/HP ngày 21/09/2007, số tiền vay 27 triệu USD để mua tàu Neptune Star, thời hạn vay 10 năm, lãi suất Sibor 6 tháng cộng 1,625%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay và tàu Vega Star.
- Số 115/10/MSB-HP ngày 24/12/2010, số tiền 28,73 triệu USD để thanh toán một phần tiền mua tàu Vosco Unity, lãi suất bằng lãi suất huy động tiết kiệm thường USD 12 tháng trả lãi sau cộng 3,0%/năm. Khoản vay này được đảm bảo tài sản hình thành từ vốn vay và tàu Diamond Star.
- (iii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng theo Hợp đồng tín dụng số 2008/HĐTD-VOSCO ngày 21/11/2008, số tiền vay 15,645 triệu USD để mua tàu SEABEE (nay đổi tên thành tàu VOSCO STAR) trọng tải 46.671 DWT, thời hạn vay 60 tháng, lãi suất bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm USD kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau cộng 2,5%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay.
- (iv) Khoản vay Ngân hàng TMCP Bảo Việt gồm 2 hợp đồng đồng tín dụng:
 - Số 112.2009.HĐTD ngày 24/08/2009, số tiền vay 175 tỷ VND để đầu tư dự án đóng tàu Lucky Star 22.500 DWT, thời hạn vay 120 tháng, thời gian ân hạn trả nợ gốc 24 tháng, lãi suất 10,5% cho 6 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân, điều chỉnh 6 tháng một lần bằng lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau cộng 2,5%/năm, hỗ trợ lãi suất 4%/năm theo quy định. Khoản vay được đảm bảo bằng việc thế chấp tàu Lucky Star (đồng thế chấp với Ngân hàng Phát triển Việt Nam).
 - Số 237.2009.HĐTD ngày 25/12/2009, số tiền vay 100 tỷ VND để đầu tư dự án đóng tàu Blue Star 22.500 DWT, thời hạn vay 120 tháng, thời gian ân hạn trả nợ gốc 24 tháng, lãi suất 12% cho 3 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân, điều chỉnh 3 tháng một lần bằng lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau cộng 3%/năm, hỗ trợ lãi suất 4%/năm theo quy định. Khoản vay được đảm bảo bằng việc thế chấp tàu Blue Star (đồng thế chấp với Ngân hàng phát triển Việt Nam).

Khoản vay Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam theo Hợp đồng tín dụng số 67667 ngày 17 tháng 3 năm 2010, số tiền vay 22,5 triệu USD để mua tàu VOSCO SKY trọng tải 52.523 DWT, thời hạn vay 84 tháng, lãi suất 6%/năm cho kỳ đầu tiên và được điều chỉnh 3 tháng một lần bằng lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam cộng biên độ 3,7%/năm. Khoản vay được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay, tàu Vĩnh An và tàu Vĩnh Hưng.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	2.907.717.577.280	3.176.105.577.070
Số tiền vay phát sinh	257.000.000.000	32.000.000.000
Chênh lệch do đánh giá lại số dư cuối năm	23.364.594.096	(1.418.465.790)
Số tiền vay đã trả	(346.968.733.478)	(298.969.534.000)
Số cuối năm	2.841.113.437.898	2.907.717.577.280

27. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	1.030.979	
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	59.858.911	1.030.979
Hoàn nhập trong năm	(1.030.979)	
Số cuối năm	59.858.911	1.030.979

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 215 phố Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

28. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	1.400.000.000.000		(7.320.384.546)	(900.789.234)	11.948.107.068	15.968.205.262	16.793.508.678	1.436.488.647.228
Lợi nhuận trong năm trước							(36.071.352.885)	(36.071.352.885)
Hoàn nhập lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện				900.789.234				900.789.234
Giảm khác							(419.595.634)	(419.595.634)
Số dư cuối năm trước	1.400.000.000.000		(7.320.384.546)		11.948.107.068	15.968.205.262	(19.697.439.841)	1.400.898.487.943
Số dư đầu năm nay	1.400.000.000.000		(7.320.384.546)		11.948.107.068	15.968.205.262	(19.697.439.841)	1.400.898.487.943
Lợi nhuận trong năm nay							(198.183.613.503)	(198.183.613.503)
Bán cổ phiếu quỹ trong năm		1.777.018.739	7.320.384.546					9.097.403.285
Số dư cuối năm nay	1.400.000.000.000	1.777.018.739			11.948.107.068	15.968.205.262	(217.881.053.344)	1.211.812.277.725

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 215 phố Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vốn đầu tư của Nhà nước	840.000.000.000	840.000.000.000
Vốn góp của các cổ đông khác	560.000.000.000	560.000.000.000
Cộng	1.400.000.000.000	1.400.000.000.000

Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	140.000.000	140.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	140.000.000	140.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại		1.890.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	140.000.000	138.110.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

1. Doanh thu

Là doanh thu cung cấp dịch vụ trong năm.

2. Giá vốn hàng bán

Là giá vốn dịch vụ đã cung cấp.

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	155.192.782	226.023.214
Lãi bán cổ phiếu		214.500
Cổ tức, lợi nhuận được chia	2.769.442.566	8.878.120.734
Lãi bán ngoại tệ		7.912.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.126.290.889	2.810.016.411
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	7.427.606	1.483.365.944
Cộng	4.058.353.843	13.405.652.803

4. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	163.624.563.205	152.388.487.769
Lỗ bán ngoại tệ		26.584.843
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	24.177.434.560	307.323
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	45.357.537.960	42.005.338.123
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn	2.547.583.917	728.021.457
Chi phí tài chính khác	163.148.832	27.386.490
Cộng	235.870.268.474	195.176.126.005

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 215 phố Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

5. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí hoa hồng vận tải	56.319.267.075	64.365.325.966
Chi phí khác	26.826.724	53.382.450
Cộng	56.346.093.799	64.418.708.416

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	34.083.018.655	33.115.989.118
Chi phí vật liệu quản lý	1.563.477.115	1.534.573.919
Chi phí đồ dùng văn phòng	288.076.873	242.151.246
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.614.099.134	2.011.675.112
Thuế, phí và lệ phí	5.004.673.702	5.326.946.262
Chi phí dự phòng	(216.449.223)	187.347.117
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.283.786.903	5.012.750.789
Chi phí bằng tiền khác	6.366.945.160	5.121.179.256
Cộng	51.987.628.319	52.552.612.819

7. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Thu từ thanh lý tài sản cố định	220.438.803.646	181.818.182
Thu phạt vi phạm hợp đồng	1.145.540.000	4.061.460.000
Các khoản tiền thường của khách hàng		192.163.850
Thu nhập khác	813.037.329	849.025.267
Cộng	222.397.380.975	5.284.467.299

8. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Chi phí thanh lý và giá trị còn lại tài sản cố định nhượng bán, thanh lý	9.115.269.379	37.934.898
Chi phí khác	2.272.727	4.961.455
Cộng	9.117.542.106	42.896.353

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế.

	Năm nay	Năm trước
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện của tiền và các khoản phải thu	59.858.911	1.030.979
Lãi chênh lệch tỷ giá hoàn nhập trong năm nay	(1.030.979)	
Cộng	58.827.932	1.030.979

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 215 phố Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yêu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.149.057.580.056	1.330.186.628.730
Chi phí nhân công	191.605.922.903	196.502.136.788
Chi phí khấu hao tài sản cố định	392.442.377.556	103.040.759.009
Chi phí dịch vụ mua ngoài	474.547.354.828	507.359.273.593
Chi phí khác	31.453.611.386	14.223.565.654
Cộng	2.239.106.846.729	2.151.312.363.774

11. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Công ty không tính chỉ tiêu này trên Báo cáo tài chính riêng vì theo quy định tại chuẩn mực kế toán số 30 về "Lãi trên cổ phiếu" yêu cầu trường hợp Công ty phải lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ phải trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu theo qui định của chuẩn mực này trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LUU CHUYEN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

1. Các giao dịch không bằng tiền

Trong năm Công ty phát sinh các giao dịch không bằng tiền như sau:

	Năm nay	Năm trước
Góp vốn bằng Tài sản vào Công ty TNHH Một thành viên Sửa chữa và Dịch vụ Tàu biển Vosco	115.000.000	

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Các khoản cam kết

Tại thuyết minh số V.13 đã trình bày số vốn còn phải đầu tư vào các Công ty con theo cam kết tính đến thời điểm kết thúc năm tài chính bao gồm:

Tên công ty con	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Một thành viên Sửa chữa và Dịch vụ Tàu biển Vosco	12.414.918.000	12.529.918.000
Công ty TNHH Một thành viên Đại lý Tàu biển và Logistics Vosco	11.366.909.090	11.366.909.090
Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Hàng Hải Vosco	7.300.000.000	7.300.000.000
Cộng	31.081.827.090	31.196.827.090

2. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Năm nay	Năm trước
Thu nhập của thành viên quản lý chủ chốt	4.236.076.000	4.101.346.200

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 215 phố Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam	Công ty mẹ
Công ty TNHH Một thành viên Sửa chữa và Dịch vụ tàu biển Vosco	Công ty con
Công ty TNHH Một thành viên Đại lý tàu biển và Logistics Vosco	Công ty con
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Vosco	Công ty con
Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Hàng hải Vosco	Công ty con

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
<i>Công ty TNHH Một thành viên Sửa chữa và Dịch vụ tàu biển Vosco</i>		
Góp vốn vào Công ty con	115.000.000	
Bán hàng hóa, dịch vụ cho Công ty con	624.000.000	678.208.000
Mua hàng hóa dịch vụ từ Công ty con	5.962.990.116	6.316.746.876
<i>Công ty TNHH Một thành viên Đại lý tàu biển và Logistics Vosco</i>		
Góp vốn vào Công ty con		1.000.000.000
Mua hàng hóa dịch vụ của Công ty con	1.975.515.417	2.005.251.065
Bán hàng hóa dịch vụ cho Công ty con	29.474.025.746	28.097.296.292
Nhận lợi nhuận được chia từ Công ty con	2.310.442.566	1.902.945.034
<i>Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Vosco</i>		
Góp vốn vào Công ty con		
Mua hàng hóa dịch vụ của Công ty con	30.379.086.688	3.445.451.293
Bán hàng hóa, dịch vụ cho Công ty con	732.000.000	804.000.000
Nhận cổ tức được chia từ Công ty con	459.000.000	612.000.000
<i>Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Hàng hải Vosco</i>		
Góp vốn vào Công ty con		1.465.767.000
Mua hàng hóa dịch vụ của Công ty con	2.228.266.626	2.438.287.701
Bán hàng hóa, dịch vụ cho Công ty con	6.704.352.731	6.286.136.362
Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan khác như sau:		
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu Công ty TNHH Một thành viên Đại lý tàu biển và Logistics Vosco	301.045.552	250.561.858
Phải thu Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Hàng hải Vosco	240.006.500	795.366.200
Phải thu Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Vosco	79.661.034	
Công nợ phải thu	620.713.086	1.045.928.058



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 215 phố Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	Số cuối năm	Số đầu năm	
Phải trả Công ty TNHH Một thành viên Sửa chữa và Dịch vụ tàu biển Vosco	887.388.411	1.894.388.061	
Phải trả Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Vosco	12.449.697.139	1.248.538.818	
Cộng nợ phải trả	13.337.085.550	3.142.926.879	
3. Chi phí lãi vay vốn hoá			
	Năm nay	Năm trước	
Chi phí lãi vay vốn hoá đối với các khoản vay để đóng mới tàu	13.822.354.133	27.574.400.001	
Tổng chi phí lãi vay vốn hoá	13.822.354.133	27.574.400.001	
Tỷ lệ vốn hóa	7,79%	15,32%	
4. Thông tin về bộ phận			
Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp.			
<i>Lĩnh vực kinh doanh</i>			
Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:			
- Lĩnh vực Dịch vụ vận tải biển			
- Lĩnh vực Thương mại và Dịch vụ khác			
Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:			
	Thương mại và dịch vụ		
	Vận tải	Cộng	
Năm nay			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	2.048.090.753.984	11.423.382.936	2.059.514.136.920
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận			
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.048.090.753.984	11.423.382.936	2.059.514.136.920
Chi phí bộ phận	2.225.024.151.285	14.082.695.444	2.239.106.846.729
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	(176.933.397.301)	(2.659.312.508)	(179.592.709.809)
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	(176.933.397.301)	(2.659.312.508)	(179.592.709.809)
Doanh thu hoạt động tài chính	3.950.548.746	107.805.097	4.058.353.843
Chi phí tài chính	235.812.466.183	57.802.291	235.870.268.474
Thu nhập khác	222.136.036.886	261.344.089	222.397.380.975

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 215 phố Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	Vận tải	Thương mại và dịch vụ	Công
Chi phí khác	9.117.542.106		9.117.542.106
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	58.827.932		58.827.932
<i>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</i>	(195.835.647.890)	(2.347.965.613)	(198.183.613.503)
<i>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</i>	<u>500.040.281.074</u>		<u>500.040.281.074</u>
<i>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</i>	<u>469.698.220.702</u>	<u>1.081.278.285</u>	<u>470.779.498.987</u>
<i>Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)</i>	<u>42.063.984.800</u>	<u>2.393.363</u>	<u>42.066.378.163</u>
Năm trước			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	2.283.430.752.896	8.340.191.228	2.291.770.944.124
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận			
<i>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</i>	<u>2.283.430.752.896</u>	<u>8.340.191.228</u>	<u>2.291.770.944.124</u>
Chi phí bộ phận	2.137.553.233.175	13.759.130.599	2.151.312.363.774
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	145.877.519.721	(5.418.939.371)	140.458.580.350
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	145.877.519.721	(5.418.939.371)	140.458.580.350
Doanh thu hoạt động tài chính	13.317.518.895	88.133.908	13.405.652.803
Chi phí tài chính	195.163.952.207	12.173.798	195.176.126.005
Thu nhập khác	5.036.539.581	247.927.718	5.284.467.299
Chi phí khác	42.896.353		42.896.353
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	1.030.979		1.030.979
<i>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</i>	(30.976.301.342)	(5.095.051.543)	(36.071.352.885)
<i>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</i>	<u>336.059.039.995</u>		<u>336.059.039.995</u>
<i>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</i>	<u>176.728.895.321</u>	<u>1.208.157.346</u>	<u>177.937.052.667</u>
<i>Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)</i>	<u>40.463.264.926</u>	<u>187.347.117</u>	<u>40.650.612.043</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 215 phố Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Vận tải	dịch vụ	Thương mại và Cộng
Số cuối năm			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	5.133.243.366.098	20.075.298.526	5.153.318.664.624
Tài sản phân bổ cho bộ phận			
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận	117.357.595.758		117.357.595.758
<i>Tổng tài sản</i>			5.270.676.260.382
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	4.046.103.873.209	10.768.406.011	4.056.872.279.220
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận			
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận	1.991.703.437		1.991.703.437
<i>Tổng nợ phải trả</i>			4.058.863.982.657
Số đầu năm			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	4.889.707.043.490	16.307.155.576	4.906.014.199.066
Tài sản phân bổ cho bộ phận			
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận	119.790.179.675		119.790.179.675
<i>Tổng tài sản</i>			5.025.804.378.741
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	3.612.030.376.844	7.504.869.884	3.619.535.246.728
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận			
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận	5.370.644.070		5.370.644.070
<i>Tổng nợ phải trả</i>			3.624.905.890.798

Khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty được phân bố chủ yếu ở khu vực trong nước và ngoài nước.

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

	Năm nay	Năm trước
Khu vực trong nước	387.547.949.757	460.717.291.528
Khu vực nước ngoài	1.671.966.187.163	1.831.053.652.596
Cộng	2.059.514.136.920	2.291.770.944.124

Chi tiết về chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và tài sản bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của tài sản như sau:

	Chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		Tài sản bộ phận	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Khu vực trong nước	94.094.807.242	67.558.326.934	969.722.929.849	986.261.554.536
Khu vực nước ngoài	405.945.473.832	268.500.713.061	4.183.595.734.775	3.919.752.644.530
Cộng	500.040.281.074	336.059.039.995	5.153.318.664.624	4.906.014.199.066

5. Quản lý rủi ro tài chính

Tổng quan

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 215 phố Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng,

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chi giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều tổ chức nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng trong nước. Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VIII.5 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	Chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá	Chưa quá hạn nhưng bị giảm giá	Đã quá hạn nhưng không giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Cộng
Số cuối năm					
Tiền và các khoản tương đương tiền	70.185.125.181				70.185.125.181
Phải thu khách hàng	61.694.865.746		1.315.470.240	63.010.335.986	
Các khoản phải thu khác	18.419.555.552				18.419.555.552
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	82.183.397.343				82.183.397.343
Cộng	232.482.943.822		1.315.470.240	233.798.414.062	

Số đầu năm

Tiền và các khoản tương đương tiền	10.754.765.021			10.754.765.021
Phải thu khách hàng	78.893.476.030		1.531.919.463	80.425.395.493
Các khoản phải thu khác	13.576.655.148			13.576.655.148
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	82.183.397.343			82.183.397.343
Cộng	185.408.293.542		1.531.919.463	186.940.213.005

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 215 phố Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối năm				
Phải trả người bán	438.814.990.483			438.814.990.483
Vay v短期	292.031.400.000	1.378.509.561.068	1.325.343.716.830	2.995.884.677.898
Các khoản phải trả khác	13.703.043.881	517.672.267.804		531.375.311.685
Cộng	744.549.434.364	1.896.181.828.872	1.325.343.716.830	3.966.074.980.066
Số đầu năm				
Phải trả người bán	370.340.503.173	14.302.974.310		384.643.477.483
Vay v短期	614.689.730.056	1.896.847.147.224	537.299.620.000	3.048.836.497.280
Các khoản phải trả khác	8.072.911.123	100.022.353.450		108.095.264.573
Cộng	993.103.144.352	2.011.172.474.984	537.299.620.000	3.541.575.239.336

Ban Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn trong vòng 12 tháng có thể được gia hạn với các bên cho vay hiện tại.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá chứng khoán.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và ngày 31 tháng 12 năm 2012 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá, lãi suất, giá chứng khoán, sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty cung cấp dịch vụ vận tải quốc tế và vay vốn Ngân hàng phục vụ cho hoạt động kinh doanh và mua mới tàu với đồng tiền giao dịch chủ yếu là USD do vậy bị ảnh hưởng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái.

Công ty quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ và VND, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ của Công ty như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 215 phố Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngũ Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	USD	EUR	USD	EUR
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.859.879,65		399.586,94	
Phải thu khách hàng	1.547.886,14		2.204.523,91	
Các khoản phải thu khác	249.191,32		317.489,64	
Phải trả người bán	(11.846.193,88)		(11.469.500,10)	
Vay và nợ	(93.239.243,00)		(108.098.985,00)	
Các khoản phải trả khác	(100.015,2)			
Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ	(100.528.494,97)		(116.646.884,61)	

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu tỷ giá hối đoái giữa VND và USD tăng/giảm 2% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu năm nay của Công ty sẽ giảm/tăng 31.796.157.674 VND (năm trước giảm/tăng 36.418.323.843 VND) do ảnh hưởng của lỗ/lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ của các công cụ tài chính. Mức độ nhạy cảm đổi với sự biến động của tỷ giá hối đoái năm nay không thay đổi nhiều so với năm trước.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty liên quan đến các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất các khoản vay VND có lãi suất thả nổi tăng/giảm 2% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu năm nay của Công ty sẽ giảm/tăng 32.100.640.168 VND (năm trước giảm/tăng 36.627.259.107 VND). Mức độ nhạy cảm đổi với sự biến động của lãi suất năm nay không thay đổi nhiều so với năm trước.

Rủi ro về giá chứng khoán

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của giá chứng khoán đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể do khoản đầu tư chứng khoán có giá trị nhỏ. Các khoản đầu tư của Công ty đều là dài hạn, nhằm mục tiêu mở rộng sản xuất kinh doanh.

Tài sản đảm bảo

Công ty không có tài sản tài chính thế chấp cho các đơn vị khác cũng như nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2012.

6. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	Số đầu năm
	Số cuối năm	Dự phòng	Số đầu năm	Dự phòng		
	Giá gốc		Giá gốc		Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền và các khoản tương đương tiền	70.185.125.181		10.754.765.021		70.185.125.181	10.754.765.021
Phải thu khách hàng	63.010.335.986	(1.315.470.240)	80.425.395.493	(1.531.919.463)	61.694.865.746	78.893.476.030

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 215 phố Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	Giá trị ghi sổ		Số đầu năm		Giá trị hợp lý		
	Số cuối năm	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng	Số cuối năm	Số đầu năm
Các khoản phải thu khác	18.419.555.552			13.576.655.148		18.419.555.552	13.576.655.148
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	82.183.397.343			82.183.397.343		82.183.397.343	82.183.397.343
Cộng	<u>233.798.414.062</u>	<u>(1.315.470.240)</u>		<u>186.940.213.005</u>	<u>(1.531.919.463)</u>	<u>232.482.943.822</u>	<u>185.408.293.542</u>

Nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả người bán	438.814.990.483	384.643.477.483	438.814.990.483	384.643.477.483
Vay và nợ	2.995.884.677.898	3.048.836.497.280	2.995.884.677.898	3.048.836.497.280
Các khoản phải trả khác	531.375.311.685	108.095.264.573	531.375.311.685	108.095.264.573
Cộng	<u>3.966.074.980.066</u>	<u>3.541.575.239.336</u>	<u>3.966.074.980.066</u>	<u>3.541.575.239.336</u>

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính: Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.

Công ty chưa thực hiện đánh giá chính thức các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết và không có giá giao dịch của 3 công ty chứng khoán công bố. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ.

7. Khả năng hoạt động kinh doanh liên tục

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 hoạt động kinh doanh của Công ty bị lỗ. Ngoài ra tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 nợ ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn. Các yếu tố này có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Tuy nhiên, Ngân hàng TMCP Hàng Hải và Ngân hàng TMCP Đại Dương cam kết sẽ tiếp tục bù sung hạn mức tín dụng cho vay để Công ty duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh và Công ty cũng đã cơ cấu được các khoản vay trung, dài hạn theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại quyết định số 276/QĐTTg ngày 4/2/2013 nên đã giảm được áp lực dòng tiền ngắn hạn. Do vậy Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 được lập trên cơ sở Công ty hoạt động kinh doanh liên tục.

Lập, ngày 12 tháng 3 năm 2014

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Đỗ Thanh Thủy

Nguyễn Bá Trường

Cao Minh Tuấn